TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRƯNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **40**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28/7/2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hữu Nam**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Huyền Nga**

2. Bà **Trần Thị Thọ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Mai** - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa:

Ông **Phạm Sỹ Nguyên** - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 388/2017/ TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Hồng H**, sinh năm 1980 - Có mặt.

Địa chỉ: Xóm 1, xã T, huyện TT, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh **Lê Anh T**, sinh năm 1976 - Xin vắng mặt.

HKTT: phố V, phường B, quận H, thành phố Hà Nội. Hiện cai nghiện ma túy tại Trung tâm Chữa bệnh giáo dục lao động xã hội số VI Hà Nội. Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn xin ly hôn ngày 26/4/2017, Bản tự khai ngày 29/5/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Bùi Thị Hồng H trình bày:

Chị và anh Lê Anh T đăng ký kết hôn ngày 06/12/2003 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện TT, tỉnh Thái Bình trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn, vợ

chồng thuê nhà tại phường B, quận H, thành phố Hà Nội. Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2015 do anh T rượu chè, cờ bạc, đánh đập vợ con, chị đã khuyên giải nhiều lần, nhưng anh T không thay đổi. Từ năm 2006, chị đưa con về sống tại tỉnh Thái Bình, vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa. Sau đó, anh T nghiện ma túy và phải đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm Chữa bệnh giáo dục lao động xã hội số VI Hà Nội. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài và không có cơ hội đoàn tụ, nên chị xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh Lê Anh T có 01 con chung là cháu Lê Hồng P, sinh ngày 10/12/2003. Cháu P bị tai nạn thương tích làm hỏng một mắt từ nhỏ, hiện cháu học lớp 7B Trường trung học cơ sở T, huyện TT, tỉnh Thái Bình, sức khỏe của cháu bình thường. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Cháu P có Đơn đề nghị ngày 16/6/2017, trình bày nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ cháu ly hôn.

Về tài sản chung, nhà ở chung, vay nợ chung: Chị và anh Lê Anh T không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 19/6/2017, bị đơn là anh Lê Anh T trình bày:

Anh và chị Bùi Thị Hồng H chung sống như vợ chồng từ tháng 4/2003 tại tỉnh Đồng Nai. Ngày 06/12/2003, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện TT, tỉnh Thái Bình. Sau đó, vợ chồng chung sống tại nhà của bố đẻ anh ở phố V, phường B, quận H, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính cách, nên hai bên giảm dần sự quan tâm đến nhau. Năm 2006, chị H đưa con về sống tại tỉnh Thái Bình. Từ tháng 8/2013 đến nay anh đi cai nghiện ma túy bắt buộc tại Trung tâm Chữa bệnh giáo dục lao động xã hội số VI Hà Nội. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đồng ý ly hôn chị H.

Về con chung: Anh và chị Bùi Thị Hồng H có 01 con chung là cháu Lê Hồng P, sinh ngày 10/12/2003. Sau ly hôn, anh đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu P. Hiện anh đang cai nghiện ma túy, không có việc làm thu nhập để cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nhà ở chung, vay nợ chung: Anh và chị Bùi Thị Hồng H không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 04/7/2017, Công an phường B, quận H, thành phố Hà Nội cung cấp: Anh Lê Anh T đăng ký hộ khẩu thường trú tại phố V, phường B, nhưng gia đình anh T đã bán nhà, chuyển đi nơi khác, không còn sinh sống tại địa chỉ này.

Tại phiên tòa, chị Bùi Thị Hồng H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn và được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nhà

ở chung, vay nợ chung. Anh T vắng mặt, nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh T. Về con chung: Giao cháu P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh T. Về tài sản chung, nhà ở chung, vay nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Lê Anh T hiện cai nghiện ma túy bắt buộc, không có điều kiện đến Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đối với anh T gồm: Tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án; làm việc với anh T tại Trung tâm Chữa bệnh giáo dục lao động xã hội số VI Hà Nội, phổ biến quyền, nghĩa vụ của đương sự, tiếp nhận Bản tự khai, Đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt của anh T; tống đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thông báo kết quả phiên họp và Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Anh T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Hồng H và anh Lê Anh T đăng ký kết hôn ngày 06/12/2003 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện TT, tỉnh Thái Bình trên cơ sở tự nguyện, nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh T, chị H thuê nhà tại phường B, quận H, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống một thời gian ngắn, thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị H, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T rượu chè, cờ bạc, đánh đập vợ con; còn theo anh T, nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm, không hợp tính cách. Năm 2006, chị H đưa con về sống tại tỉnh Thái Bình, vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa. Từ tháng 8/2013 đến nay,

anh T đi cai nghiện ma túy bắt buộc tại Trung tâm Chữa bệnh giáo dục lao động xã hội số VI Hà Nội. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và không có cơ hội đoàn tụ, nên xin được ly hôn. Anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt từ năm 2006, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, giải quyết cho chị H được ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị Hồng H và anh Lê Anh T có 01 con chung là cháu Lê Hồng P, sinh năm 2003, học lớp 7B Trường trung học cơ sở T, huyện TT, tỉnh Thái Bình. Cháu P đang có cuộc sống ổn định với chị H từ năm 2006 đến nay. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P. Anh T đồng ý với yêu cầu của chị H. Cháu P có nguyện vọng được ở với mẹ cháu khi bố mẹ cháu ly hôn. Xét thấy, việc giao cháu P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng sau khi chị H, anh T ly hôn sẽ bảo đảm được quyền lợi về mọi mặt của cháu P, nên căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án giao cháu P cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 7/2017 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh T không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, do chị H không yêu cầu và anh T hiện không có điều kiện, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi chị H có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

[4] Về tài sản chung, nhà ở chung, vay nợ chung: Chị H và anh T xác nhận không có, không ai yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chị H là nguyên đơn, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Hồng H đối với anh Lê Anh T. Chị H được ly hôn anh T.

2. Về con chung: Chị Bùi Thị Hồng H và anh Lê Anh T có 01 con chung là cháu Lê Hồng P, sinh ngày 10/12/2003.

- Giao cháu Lê Hồng P cho chị Bùi Thị Hồng H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 7/2017 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

- Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Lê Anh T cho đến khi chị Bùi Thị Hồng H có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

- Anh Lê Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung, vay nợ chung: Chị Bùi Thị Hồng H và anh Lê Anh T xác nhận không có, không ai yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002689 ngày 18/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt chị H, vắng mặt anh T. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- UBND xã T, huyện TT, tỉnh Thái Bình (GCNKH số …., quyển …/2003);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Hữu Nam